

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 168/2024/DS-PT

Ngày 29 tháng 7 năm 2024

V/v tranh chấp "Đòi tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Bà Trần Thị Thúy Hà;

**Các Thẩm phán:** Ông Cao Minh Lễ và ông Trương Văn Hai.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Vân là Thư ký Tòa án.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang:** Ông Phạm Trường San - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 156/2024/TLPT-DS ngày 17 tháng 6 năm 2024 về việc tranh chấp "Đòi tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 32/2024/DS-ST ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 175/2024/QĐPT-DS ngày 19 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Nhật M (Chết ngày 14/5/2019);

Nơi cư trú: Số 59B, tổ 65A, phường MX, thành phố LX, tỉnh AG.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Phạm Thị Nhật M: Ông Phan Hữu Tr, sinh năm 1966, nơi cư trú: ấp PH 2, xã BH, huyện CT, tỉnh AG (Xin vắng mặt).

2. Bị đơn:

2.1 Ông Lê Văn L, sinh năm 1956 (Có mặt);

2.2 Bà Nguyễn Kim L1, sinh năm 1952 (Có mặt);

Cùng cư trú: Tổ 28, ấp PH 2, xã BH, huyện CT, tỉnh AG.

5. Người kháng cáo: Ông Lê Văn L và bà Nguyễn Kim L1 là bị đơn trong vụ án.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Nguyên đơn là bà Phạm Thị Nhật M (Đã chết) có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là ông Phan Hữu Tr trình bày:

Do quen biết nên bà Phạm Thị Nhật M có cho vợ chồng ông Lê Văn L và bà Nguyễn Kim L1 vay số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn vay 03 tháng, lãi suất 2%/tháng, mục đích vay để kinh doanh cửa cây và trang trí nội thất. Khi vay hai bên có làm Hợp đồng vay có biện pháp bảo đảm được Công chứng ngày 23/8/2013 và bà M giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH07897 do UBND huyện Châu Thành cấp ngày 23/5/2013 cho ông L và bà L1.

Đến ngày 11/01/2014 (biên nhận ghi lộn ngày 11/01/2013) ông L và bà L1 đến mượn thêm số tiền 64.000.000 đồng và 01 cây vàng 24kara loại vàng 999,9, biên nhận do bà L1 viết, khi mượn tài sản ông L và bà L1 nói là “do mượn mặt bằng”.

Khoảng 15 tháng sau, vợ chồng ông L có đến năn nỉ bà M nhiều lần để xin mượn lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ra vay Ngân hàng trả tiền cho bà cả vốn lẫn lãi. Bà có đề nghị tính lại hết số tiền vay thì ông L, bà L1 tự tính và ghi biên nhận ngày 25/10/2014 cho bà M giữ.

Ngày 05/11/2014 vợ chồng ông L và bà M đến Văn phòng Công chứng ký 02 Hợp đồng: 01 Hợp đồng hủy bỏ hợp đồng vay có biện pháp bảo đảm ngày 23/8/2013 và 01 Hợp đồng vay không có biện pháp bảo đảm. Sau đó, bà M giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông L, sau khi vay Ngân hàng xong ông L và bà L1 không trả cho bà M bất cứ khoản tiền nào (kể cả lãi suất). Bà M đã nhiều lần điện thoại và đến nhà tìm nhiều lần, có lần gặp được bà L1 thì bà lại năn nỉ chờ ông L về và hứa hẹn nhiều lần nhưng sau đó lại né tránh, cố tình không trả tiền cho bà M.

Ngày 16/7/2018 bà M có Đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông L và bà L1 có nghĩa vụ trả lại tài sản đã vay, mượn cho bà số tiền tổng cộng 264.000.000 đồng và 10 chỉ vàng 24kara loại 999,9, không tính lãi suất.

Đến ngày 14/5/2019 bà Phạm Thị Nhật M chết nên Toà án đưa ông Phan Hữu Tr (Chồng của bà M) là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà M theo quy định tại Điều 74 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 29/5/2021 ông Phan Hữu Tr có Đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện xác định lại năm sinh của bị đơn theo năm sinh đã được điều chỉnh 1956 (Trước đây

là 1948) yêu cầu Toà án buộc ông L và bà L1 có nghĩa vụ trả lại cho ông số tiền 264.000.000 đồng và 10 chỉ vàng 24kra loại 9999, không tính lãi.

Bị đơn là bà Nguyễn Kim L1 trình bày:

Vợ chồng bà và ông L không biết bà M nên việc cho rằng vợ chồng bà có nợ bà M là không đúng quy định pháp luật.

Tại phiên toà, người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn là bà Lê Bảo Trân trình bày: Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì ông L và bà L1 xác định do nhu cầu cần vốn kinh doanh, biết bà M là người cho vay nên ông L và bà L1 có đem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông bà thế chấp cho bà M để vay số tiền 200.000.000 đồng, sau khi ký Hợp đồng vay có đảm bảo được công chứng ngày 23/8/2013 bà M không có tiền đưa cho ông L và bà L1 nên ông bà đã gặp bà M để đòi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vào ngày 05/11/2014 giữa hai bên đã đến Phòng công chứng Long Xuyên để ký Hợp đồng huỷ bỏ hợp đồng vay có biện pháp bảo đảm và nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi ký do sơ suất không biết nên ông L và bà L1 đã ký vào Hợp đồng vay không có biện pháp bảo đảm ngày 05/11/2014 do Văn phòng công chứng soạn sẵn và đưa ký.

Về Biên nhận ngày 11/01/2014 ghi nhầm ngày 11/01/2013, bị đơn cần tiền kinh doanh có hỏi mượn thì bà M yêu cầu làm Biên nhận nên bà L1 ghi nội dung mượn số tiền 64.000.000 đồng và 01 cây vàng 999,9 nhưng cũng chỉ là ghi theo yêu cầu của bà M chứ không có nhận tiền và vàng gì hết.

Bị đơn yêu cầu xem xét lại tính khách quan của Hợp đồng vay ngày 05/11/2014 về thông tin địa chỉ của ông L và bà L1 ghi ở Long Xuyên là không đúng, vì đến năm 2014 ông L và bà L1 không còn cư trú ở Mỹ Phước, Long Xuyên nữa mà nơi cư trú là ở Bình Hoà, Châu Thành và trong Biên nhận ghi ngày 11/01/2013 thì dòng cuối lại ghi “Long Xuyên” là không đúng theo nơi cư trú của ông L, bà L1.

Do ông L và bà L1 chỉ ký hợp đồng vay và Biên nhận nhưng không có nhận tiền và vàng nên không đồng ý thanh toán nợ theo yêu cầu của nguyên đơn.

Ngoài ra, bà Trân trình bày tại thời điểm khi ký kết các hợp đồng vay và biên nhận thì năm sinh của ông L là 1948, sau đó ông L đã điều chỉnh lại năm sinh 1956 cũng như có điều chỉnh lại thông tin về năm sinh trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông và bà L1 cùng đứng tên. Theo đó, thừa nhận ông Lê Văn L có năm sinh 1948 trước đây và Lê Văn L, sinh năm 1956 hiện nay là cùng 01 người.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 32/2024/DS-ST ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang đã tuyên xử:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 74, Điều 91, Điều 111, Điều 112, Điều 126, Điều 143, khoản 3 Điều 147, Điều 180; Điều 184; Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 256, Điều 280 Bộ luật Dân sự 2005;

- Điều 468; Điều 688 Bộ luật dân sự 2015;

- Điều 27 Luật Hôn nhân gia đình 2014;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Hữu Tr (Là Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Phạm Thị Nhật M) đối với bị đơn về tranh chấp “Đòi tài sản”

Buộc ông Lê Văn L và bà Nguyễn Kim L1 có nghĩa vụ phải trả cho ông Phan Hữu Tr (Là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Phạm Thị Nhật M) số tiền 264.000.000 đồng và 10 chỉ vàng 24 kra loại “9999”.

2. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 10/2019/QĐ-BPKCTT ngày 31/10/2019 về việc phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ là Quyền sử dụng đất số phát hành BV189691, số Giấy chứng nhận: CH07897; diện tích 588,0 m<sup>2</sup>, thửa đất số 599, tờ bản đồ số 82, mục đích sử dụng loại đất trồng cây hàng năm khác, tọa lạc tại xã Bình Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp ngày 04 tháng 02 năm 2015 cho ông Lê Văn L, sinh năm 1956 (Theo điều chỉnh thông tin về năm sinh trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 08/7/2016) và bà Nguyễn Kim L1, sinh năm 1952.

Hủy Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 110/2019/QĐ-BPBD ngày 25/10/2019. Hoàn trả lại 15.000.000 đồng và lãi suất phát sinh (nếu có) tại tài khoản số 6709601233969 tại ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank) chi nhánh huyện Châu Thành cho ông Phan Hữu Tr khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí:

- Ông Phan Hữu Tr không phải chịu án phí sơ thẩm.

- Ông Lê Văn L và bà Nguyễn Kim L1 có Đơn xin miễn, giảm án phí ngày 19/12/2019 và thuộc trường hợp người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 nên được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Về lệ phí thu thập tài liệu chứng cứ: Ông Phan Hữu Tr đồng ý tự nguyện chịu chi phí thu thập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 156.000 đồng (Đã nộp xong).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo và thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10 tháng 5 năm 2024 ông Lê Văn L và bà Nguyễn Kim L1 nộp Đơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2024/DS-ST ngày 26/4/2024, lý do Tòa án buộc ông bà trả cho ông Tr số tiền 264.000.000 đồng và 10 chỉ vàng. Ông bà không đồng ý, vì không nhận tiền và vàng mà ông bà bị gạt làm biên nhận không đưa tiền nên ông bà đã lấy lại tài sản là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Các phần khác của bản án các đương sự không kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa và phát biểu ý kiến: Tại giai đoạn phúc thẩm những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và tuân thủ đúng pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định về phiên tòa phúc thẩm, đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử, thành phần HĐXX, thư ký phiên tòa và thủ tục phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, phúc xử: Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn L và bà Nguyễn Kim L1; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2024/DS-ST ngày 26/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành; Ông Lê Văn L và bà Nguyễn Kim L1 được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Lê Văn L và bà Nguyễn Kim L1 kháng cáo trong thời hạn luật định nên đủ cơ sở để xem xét yêu cầu kháng cáo của ông bà theo trình tự phúc thẩm.

Ông Phan Hữu Tr có Đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ghi ngày 02/7/2024 phù hợp với khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về kháng cáo của ông L và bà L1, xét thấy ông L và bà L1 thừa nhận ông L và bà L1 có đến Văn phòng công chứng Long Xuyên để ký Hợp đồng vay có bảo đảm ngày 23/8/2013 để vay của bà M số tiền 200.000.000 đồng, tại Biên nhận ngày 25/10/2014 do bà L1 viết và bà L1, ông L cùng ký tên ghi “ông L, bà L1 có thiếu bà M số tiền lãi tất cả là 270.000.000 đồng, khi vay Ngân hàng được sẽ trả 200.000.000 đồng trong phần công chứng, đến tháng 3 (13/3/2015) trả 100 triệu, còn lại 170 triệu sẽ trả trong vòng 01 năm” và Biên nhận ngày 11/01/2014 (Hai bên đều thống nhất ghi nhằm ngày 11/01/2013) có nội dung “bà L1 có

mượn thêm của bà M số tiền 64 triệu đồng chẵn và 1 cây vàng 9999”. Đến ngày 05/11/2014 tại Văn phòng công chứng Long Xuyên ông L và bà L1 cùng ký Hợp đồng huỷ bỏ hợp đồng vay có biện pháp bảo đảm và Hợp đồng vay tài sản (không có biện pháp bảo đảm) để vay của bà M số tiền 200.000.000 đồng. Nay ông L và bà L1 cho rằng ông bà có ký các hợp đồng và biên nhận nêu trên nhưng bà M không giao tiền, vàng nên ông bà không đồng ý trả nợ cho ông Tr (Là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà M). Lời khai nại của ông L, bà L1 không được người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà M là ông Tr thừa nhận và ông L, bà L1 không cung cấp được chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo. Căn cứ vào các chứng cứ nêu trên, có cơ sở xác định bà L1, ông L có vay của bà M số tiền 264.000.000 đồng và 10 chỉ vàng 24 kara loại vàng 999,9 nhưng bà L1, ông L không cung cấp được chứng cứ chứng minh đã trả nợ cho người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà M là ông Tr. Do đó, cấp sơ thẩm đã buộc ông L và bà L1 cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Tr (Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà M) số tiền 264.000.000 đồng và 10 chỉ vàng 24 kara loại vàng 999,9 là có căn cứ.

[3] Về Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 10/2019/QĐ-BPKCTT ngày 31/10/2019 về việc phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH07897 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp ngày 04/02/2015 cho ông Lê Văn L và bà Nguyễn Kim L1 với diện tích 588m<sup>2</sup>, thửa đất số 599, tờ bản đồ số 82, mục đích sử dụng đất trồng cây hàng năm khác, tọa lạc tại xã Bình Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Do kháng cáo của ông L, bà L1 không được chấp nhận nên cần tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 10/2019/QĐ-BPKCTT ngày 31/10/2019 để đảm bảo trong giai đoạn thi hành án. Hủy Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 110/2019/QĐ-BPBD ngày 25/10/2019. Hoàn trả lại cho ông Phan Hữu Tr số tiền 15.000.000 đồng và lãi suất phát sinh (nếu có) theo Tài khoản số 6709601233969 của Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank) - chi nhánh huyện Châu Thành khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Về yêu cầu kháng cáo của ông L, bà L1 không được chấp nhận nhưng ông bà là người cao tuổi và có Đơn xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử thống nhất miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông bà.

Các phần khác của bản án, các đương sự không kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị nên được giữ nguyên.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 308, Điều 313, Điều 315 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 166, Điều 463, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn L và bà Nguyễn Kim L1. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 32/2024/DS-ST ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Hữu Tr (Là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Phạm Thị Nhật M) đối với bị đơn về tranh chấp “Đòi tài sản”.

Buộc ông Lê Văn L và bà Nguyễn Kim L1 cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Phan Hữu Tr (Là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Phạm Thị Nhật M) số tiền 264.000.000 đồng và 10 chỉ vàng 24 kara loại vàng 999,9.

4. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 10/2019/QĐ-BPKCTT ngày 31/10/2019 về việc phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH07897 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp ngày 04/02/2015 cho ông Lê Văn L và bà Nguyễn Kim L1 với diện tích 588m<sup>2</sup>, thửa đất số 599, tờ bản đồ số 82, mục đích sử dụng đất trồng cây hàng năm khác, tọa lạc tại xã Bình Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang

Hủy Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 110/2019/QĐ-BPBD ngày 25/10/2019. Hoàn trả lại cho ông Phan Hữu Tr số tiền 15.000.000 đồng và lãi suất phát sinh (nếu có) theo Tài khoản số 6709601233969 của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank) - chi nhánh huyện Châu Thành khi bản án có hiệu lực pháp luật.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phan Hữu Tr không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Lê Văn L và bà Nguyễn Kim L1 được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Văn L và bà Nguyễn Kim L1 được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

7. Về lệ phí thu thập tài liệu chứng cứ: Ông Phan Hữu Tr tự nguyện chịu chi phí thu thập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với số tiền 156.000 đồng (Đã nộp xong).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành đầy đủ khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H.Châu Thành;
- TAND H.Châu Thành;
- Tòa Dân sự;
- Phòng KTNV và THA;
- Văn phòng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Thúy Hà**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



**Cao Minh Lễ      Trương Văn Hai**

**Trần Thị Thúy Hà**